TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04 – 5 – 2020
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Diễm Huyền.

Ông Huỳnh Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thanh Dũng-Kiểm Sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 522/2019/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 12 năm 2019, về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Tuyết L, sinh năm 1984, địa chỉ: Ấp A, xã Ay, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1979, địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào năm 2009, bà Lê Thị Tuyết L và ông Trần Văn T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, ngày 20/11/2009. Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là Trần Kim K, sinh ngày 24/9/2010, đã chết vào ngày 14/9/2012.

Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, theo bà L trình bày: Do ông Trần Văn T ngoại tình với người phụ nữ khác khoảng 01 năm, trong thời gian bà đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Thời gian ly thân từ năm 2013 đến nay, ông T có

điện thoại liên lạc với bà từ 02 đến 03 lần để kêu gia đình bà lên hàn gắn tình cảm giữa hai người, nhưng bà không đồng ý và hai người không còn liên lạc, qua lại để hàn gắn tình cảm nữa.

Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với ông Trần Văn T.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, Kiểm Sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn T, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không rõ lý do, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Tuyết L và ông Trần Văn T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và tuân thủ quy định tại các điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

[3] Xét về tình trạng hôn nhân, thấy rằng: Quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên. Trong thời kỳ hôn nhân, bà L và ông T có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, do không còn tình cảm, không hạnh phúc, nên đã sống ly thân từ năm 2013, đến thời điểm này, cả bà L và ông T cũng không có một biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà vẫn tiếp tục sống ly thân và bỏ mặc nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà L và ông T có 01 con chung tên là Trần Kim K, sinh ngày 24/9/2010, nhưng đã chết vào ngày 14/9/2012, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, nên cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bà L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[7] Đề nghị của Kiểm Sát viên về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, theo như nhận định và phân tích nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Tuyết L được ly hôn với ông Trần Văn T.

2) Về con chung: Đã chết, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3) Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, nên cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4) Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0002545, ngày 13/12/2019, của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà L đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5) Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

6) Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật

Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Uỷ ban nhân dân xã A;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Vinh Thắng